



BẢN TIN TÀI CHÍNH VI MÔ VIỆT NAM

MICROFINANCE WORKING GROUP – INGO RESOURCE CENTRE

Trong số này

Chia sẻ kinh nghiệm trong chuyển đổi:

Quỹ TYM.....	2
Trung tâm M&D.....	4
Công ty Bình Minh CDC.	5
CGAP.....	6
CECI.....	7

Tin nổi bật:

Tin tức và các hoạt động sắp diễn ra.....	8
---	---

Tổng quan về Tài chính vi mô:

Sự kiện tình hình	9-10
Sự kiện.....	11-14

Bản tin này được biên tập bởi Tổ chức Cứu trợ Trẻ em/Mỹ (SC/US), Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Trung tâm dữ liệu các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (INGO Resources Center).

Website:
www.ngocentre.org.vn

Thông tin liên lạc:
maint@savechildren.org.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Hơn một năm sau khi Nghị định 28 về tổ chức và hoạt động của các tổ chức tài chính quy mô nhỏ được ban hành, mặc dù đã có những cố gắng rất lớn từ phía Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng các thông tư hướng dẫn Nghị định vẫn chưa sẵn sàng. Theo điều tra gần đây của Nhóm Công tác Tài chính Vi mô một số không ít các chương trình Tài chính quy mô nhỏ đang chờ sự ban hành của các thông tin hướng dẫn để bắt đầu thực hiện chuyển đổi theo Nghị định.

Một tin vui cho các chương trình có dự định chuyển đổi theo Nghị định 28 là sau thời gian trì hoãn Ngân hàng Phát triển Châu Á sẽ chính thức khởi động dự án hỗ trợ xây dựng khuôn khổ pháp lý cho ngành Tài chính quy mô nhỏ Việt Nam muộn nhất vào trung tuần tháng 8 tới. Theo dự kiến bản dự thảo thông tư hướng dẫn sẽ được hoàn thành vào tháng 10 và thông tư sẽ chính thức sẽ được ban hành vào tháng 12. Để tránh phải rơi vào thế bị động, các chương trình nên tích cực tiến hành các bước chuẩn bị chuyển đổi theo định hướng đã được đưa ra trong Nghị định 28.

Ý thức được điều này, nhóm biên tập tiếp tục xuất bản một bản tin với chủ đề: “Tài chính quy mô nhỏ trong chuyển đổi và kinh nghiệm tốt”. Trong bản tin lần này chúng tôi tiếp cận chủ đề qua các mục: (i) Các kinh nghiệm chuẩn bị chuyển đổi; (ii) Các kinh nghiệm quản lý tổ chức; (iii) Một lựa chọn khác bên cạnh Nghị định 28, (iv) Tổng quan

hoạt động ngành. Quỹ TYM, và trung tâm M&D (CESVI) chia sẻ những kinh nghiệm chuẩn bị chuyển đổi theo Nghị định 28. Công ty Bình Minh CDC và quỹ CEP sẽ chia sẻ với các bạn kinh nghiệm quản lý và xây dựng hình ảnh tổ chức. Tổ chức nghiên cứu và hợp tác quốc tế Canada chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi thành quỹ tín dụng nhân dân, một sự lựa chọn khác bên cạnh nghị định 28. Tiếp đến là tin tức tài chính vi mô trong nước và quốc tế liên quan và các sự kiện nổi bật trong ngành. Cuối cùng, tổng quan về ngành tài chính quy mô nhỏ bao gồm số liệu và phân tích sơ bộ về tình hình hoạt động tài chính quy mô nhỏ bán chính thức tại Việt nam

Ban biên tập mong rằng những thông tin cung cấp trong bản tin lần này có thể giúp các chương trình trong quá trình chuẩn bị cho chuyển đổi. Chúng tôi cũng mong có được sự đóng góp của các bạn thông qua những ý kiến, bài viết, số liệu hoặc sự kiện liên quan đến tài chính quy mô nhỏ tại Việt nam trong các số tới của bản tin.

Chúng tôi mong nhận được góp ý và phê bình của độc giả. Cảm ơn sự quan tâm và giúp đỡ của các bạn.

Ban biên tập.

Quỹ TYM – Từ một dự án tín dụng tiết kiệm thành một tổ chức tài chính vi mô bền vững của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Quỹ TYM được Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành lập năm 1992 nhằm thí điểm mô hình tín dụng nhóm nhỏ cho phụ nữ nghèo theo phương pháp của Ngân hàng Grameen - Băng la đét trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Hoạt động chính của TYM là cung cấp các dịch vụ tín dụng và tiết kiệm cho các nhóm đối tượng phụ nữ nghèo phát triển sản xuất, dịch vụ để tăng thu nhập đồng thời tuyên truyền và nâng cao kiến thức về mọi mặt cho phụ nữ. Qua 14 năm hoạt động, TYM đã khẳng định được tính phù hợp của mô hình và trở thành mô hình tài chính vi mô bền vững của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Có thể nói, quá trình phát triển của TYM là quá trình từng bước chuyển đổi cơ cấu và hoạt động theo hướng bền vững tổ chức và bền vững tài chính nhằm đưa TYM trở thành một trong những tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính vi mô hàng đầu cho phụ nữ có thu nhập thấp và gia đình họ.

Quá trình thể chế hoá Quỹ TYM thành một tổ chức tài chính vi mô chính thức

Cơ cấu tổ chức chặt chẽ với đội ngũ cán bộ chuyên trách là điểm đặc thù của TYM so với nhiều chương trình tín dụng tiết kiệm khác của Hội. Qua 14 năm hoạt động, TYM đã có những thay đổi quan trọng như sau:

Về đội ngũ cán bộ:

Trong những năm đầu hoạt động, TYM sử dụng đội ngũ cán bộ bán chuyên để cung ứng các dịch vụ và sản phẩm của Quỹ. Sau một thời gian, trước những thách thức đặt ra về tính hiệu quả và hiệu suất trong hoạt động, để tăng cường khả năng tiếp cận và tính bền vững của Quỹ Ban lãnh đạo TYM đã quyết định tái cơ cấu hoạt động của Quỹ theo hướng chuyên nghiệp hoá nhằm giúp Quỹ tồn tại lâu dài và phục vụ tốt hơn nhóm đối tượng mục tiêu. TYM đã chuyên dần sang sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách và có chuyên môn, tính đến tháng 3 năm 2006, toàn Quỹ có 138 cán bộ tốt nghiệp các trường trung cấp và đại học chuyên ngành kế toán, tài

chính và ngân hàng.

Về cơ cấu tổ chức

Để quản lý hoạt động một cách chuyên nghiệp hơn, năm 1995, TYM đã củng cố lại hệ thống tổ chức từ tập trung hoá (trung ương thực hiện hầu hết các công việc vận hành và kế toán) sang mô hình phân cấp (theo 2 cấp: Văn phòng trung ương và chi nhánh). Kết quả là cuối 1995, TYM đã thành lập 2 chi nhánh đầu tiên ở huyện Sóc Sơn (Hà Nội). Với cơ cấu mới, số thành viên tích cực đã tăng nhanh từ 810 người năm 1995 lên hơn 3000 người năm 1996.

Những thay đổi về cán bộ và cơ cấu tổ chức nêu trên đã giúp hoạt động kiểm soát và quản lý của TYM được hệ thống và mang tính chuyên nghiệp hơn, tạo điều kiện ứng dụng dễ dàng các kinh nghiệm của quốc tế trong tài chính vi mô, đạt hiệu quả và hiệu suất cao trong hoạt động.

Năm 1998, để trao thêm tính tự chủ cho Quỹ, Hội đã có quyết định số QĐ14/QĐ/ĐCT ngày 12/01/1998 chuyển đổi TYM từ một dự án thuộc Ban Gia đình Đời sống (nay là Ban Gia đình Xã hội) thành một Ban độc lập hoạt động với bộ máy và con dấu riêng, trực tiếp nằm dưới sự chỉ đạo của Đoàn Chủ tịch Hội. Đây là một bước thay đổi quan trọng trong sự phát triển của TYM. Với Quyết định này, Ban lãnh đạo của TYM và đặc biệt là bộ máy văn phòng trung ương đã tự chủ, trách nhiệm và chuyên trách hơn trong quản lý vận hành.

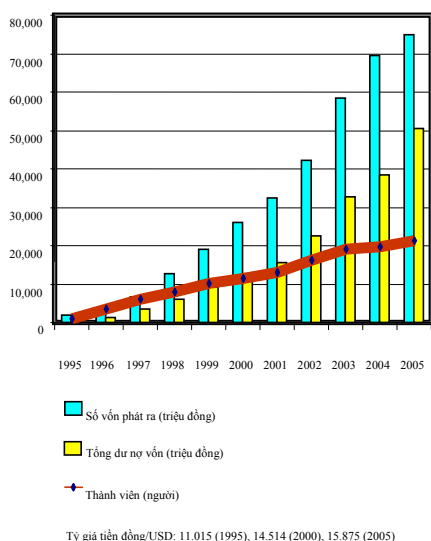
Thời kỳ 1996-2002 được xem là thời kỳ TYM có nhiều bước tiến khả quan cả về khả năng tiếp cận và về mặt kỹ thuật. Với sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật của tổ chức Oxfam Mỹ và CARD, Quỹ đã nâng số chi nhánh từ 2 (năm 1995) lên thành 13 (năm 2002), tổ chức lại bộ máy theo 3 cấp (trung ương-khu vực-chi nhánh), ứng dụng thành công các kinh nghiệm quốc tế về quỹ tương trợ thành viên (bảo hiểm vi mô), thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ, lập kế hoạch tự

Quỹ TYM – Từ một dự án tín dụng tiết kiệm thành một tổ chức tài chính vi mô bền vững của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - Tiếp theo trang trước

vững, biên soạn các sổ tay hướng dẫn vận hành, tài chính, nhân sự và kiểm toán...

Những thách thức này đòi hỏi TYM phải có những cải thiện nhanh chóng về năng lực cán bộ cũng như công tác kiểm soát, quản lý tài chính và nâng cao chất lượng dịch vụ của Quỹ.

Phát triển thành viên và vốn vay từ 1995-2005



Chuẩn bị chuyển đổi theo Nghị định 28

Tháng 3/2005, Chính phủ ban hành Nghị định 28 tài chính vi mô - cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam. Chuyển đổi theo Nghị định 28 thành một tổ chức tài chính vi mô chính thức là lựa chọn chiến lược của TYM nhằm thực hiện tầm nhìn và sứ mệnh của mình. Theo hướng này, tháng 1/2006 Hội đã quyết định chuyển đổi TYM thành một đơn vị sự nghiệp có thu (nay là đơn vị sự nghiệp) của Hội. Đây được coi là bước trù bị trong tiến trình thể chế hoá TYM trong bối cảnh Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 28 chưa được ban hành. Với pháp nhân mới này, TYM được tự chủ hoàn toàn trong các quyết định về nhân sự, kế hoạch phát triển và tổ chức hoạt động, quản lý tài chính và đặc biệt là có thể tiếp cận các nguồn tín dụng để mở rộng hoạt động của Quỹ. Ngoài những lợi ích của việc chuyển đổi, pháp nhân mới này cũng đặt cho TYM những thách thức mới về khả năng tự vững trên đôi chân của mình cũng như khả năng sinh lời, tăng trưởng và bền vững với những nguồn vốn vay thương mại trong môi trường hoạt động cạnh tranh cao.

Các chỉ số phát triển chính của TYM đến tháng 5/2006			
Chỉ số	2005	2004	2003
Số chi nhánh	16	15	15
Số thành viên	21303	19691	18911
Tổng dư nợ (triệu đồng)	50.378	38.457	32.836
Dư nợ rủi ro (PAR)	0,1%	0,2%	0,4%
Tổng Tài sản (triệu đồng)	61.798	48.425	35.922
Số dư tiết kiệm (triệu đồng)	24.309	17.951	11.645
Tổng Vốn tự có (triệu đồng)	33.519	29.708	22.522
Tỷ lệ chi phí	13,8%	8,5%	12,7%
Tự vững vận hành	133%	177%	127%

Từ 2003-2005, TYM tăng thêm 1 chi nhánh do hạn chế về nguồn. Tuy nhiên số lượng thành viên và dư nợ vốn của TYM vẫn tăng đều. Tổng tiền tiết kiệm tăng nhanh và chiếm 48% dư nợ vốn vào năm 2005 cho thấy tiết kiệm là nguồn quan trọng trong cơ cấu vốn của TYM. Tỷ lệ dư nợ rủi ro thấp và giảm dần xuống 0,2% năm 2005 cho thấy tỷ lệ hoàn trả của TYM luôn đạt trên 99%. TYM đã tự vững vận hành ở tỷ lệ cao hơn nhiều so với các đơn vị khác.

HƯỚNG ĐI NÀO CHO VIỆC CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH

Nguyễn Bích Vương – M&D

Chia sẻ kinh nghiệm trong chuyển đổi

Với mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, cải thiện chất lượng cuộc sống cho đối tượng hộ gia đình có thu nhập thấp nhiều tổ chức Quốc tế và Phi chính phủ đã triển khai hoạt động tài chính vi mô (TCVM) tại các vùng địa bàn hoạt động của mình. Một số tổ chức, hoạt động TCVM được thực hiện theo hướng chuyên môn hóa. Nhưng ở một số tổ chức khác, hoạt động TCVM được thực hiện lồng ghép với các hợp phần khác. Hoạt động tín dụng thuộc Dự án “Can thiệp tổng hợp phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em” do tổ chức phi chính phủ của Ý Cooperazione E Sviluppo (CESVI), tài trợ thực hiện tại huyện Sóc Sơn thuộc mô hình lồng ghép này.

Bắt đầu triển khai tại 8 xã từ tháng 5/2004, đến nay hoạt động tín dụng đã mở rộng ra 25 xã, thị trấn của huyện Sóc Sơn, với số tiền do CESVI tài trợ để lập quỹ vốn quay vòng là 3,16 tỷ đồng và số thành viên tham gia dự án khoảng 6.500. Mô hình tổ chức quản lý với đối tác chính là Sở Y tế thành phố Hà Nội. Ban Quản lý dự án được thành lập ở cấp thành phố, huyện và các xã dự án có sự tham gia của ngành Y tế, Hội phụ nữ và Ủy ban nhân dân. Chương trình áp dụng phương pháp cho vay qua nhóm với quy mô nhóm từ 10-20 thành viên. Đối tượng đích của dự án bao gồm các bà mẹ có con 5 tuổi suy dinh dưỡng, bà mẹ đang mang thai và các bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 5 tuổi, thuộc diện hộ nghèo. Tương tự nhiều chương trình TCVM khác, dự án đã xây dựng được một cơ chế tín dụng phù hợp với đối tượng phụ nữ nghèo: điều kiện vay vốn tín chấp qua nhóm, thủ tục vay đơn giản, món nhỏ, thời hạn ngắn và áp dụng phương thức trả dần vốn hàng tháng. Một điểm nổi bật khác trong dự án của CESVI là có sự hỗ trợ của hoạt động tập huấn về kỹ thuật sản xuất: trồng trọt, chăn nuôi đối với hoạt động tín dụng.

Sau hai năm, hoạt động tín dụng của dự án đã đưa lại một số kết quả, tác động ban đầu rất đáng khích lệ. Đợt đánh giá hợp phần tín dụng do nhóm đánh giá ngoài dự

án thực hiện tháng 3/2006 cho thấy có 85% số phụ nữ vay vốn được khảo sát nằm trong nhóm đối tượng của dự án. 98% số món vay đã được sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh tạo thu nhập, trong đó đầu tư vào hoạt động chăn nuôi: 74% và dịch vụ, buôn bán nhỏ: 16%. Điều quan trọng là vốn vay đã được sử dụng rất có hiệu quả: 95% số món vay đã giúp các hộ tăng thu nhập, chỉ có 5% số món vay không có hiệu quả hoặc bị rủi ro do dịch bệnh của vật nuôi. Nhờ có tăng thu nhập từ hoạt động vay vốn, các hộ vay đã có điều kiện tái sản xuất, và mua sắm một số tài sản, đồ dùng thiết yếu cho cuộc sống gia đình. Đặc biệt có 30 % hộ vay vốn đã sử dụng tăng thu nhập để cải thiện điều kiện dinh dưỡng cho trẻ em và 17% hộ vay sử dụng tăng thu nhập cho việc hỗ trợ học hành của con cái. Đợt đánh giá đã ghi nhận nhiều trường hợp có sự thay đổi rõ rệt trong cuộc sống gia đình khi tham gia hoạt động vay vốn của dự án, đặc biệt là những hộ rất nghèo. Một số hộ trước khi tham gia dự án phải vay ngoài lãi cao, nhưng sau khi tham gia dự án đã không phải vay ngoài nữa. 95% số thành viên dự án được phỏng vấn trong đợt đánh giá bày tỏ mong muốn hoạt động tín dụng tiếp tục được duy trì.

Nghị định 28 ra đời chứng tỏ sự quan tâm của Chính phủ đối với hoạt động TCVM, tạo khung pháp lý cho việc sự phát triển của hoạt động này. Nhưng bên cạnh một số tổ chức TCVM có khả năng chuyển đổi mô hình theo Nghị định, còn nhiều các tổ chức chưa có khả năng thành lập tổ chức TCVM, đặc biệt với những tổ chức có quy mô hoạt động nhỏ, hoặc khi tín dụng chỉ là hoạt động lồng ghép. Với những tổ chức này, trong đó có dự án của CESVI, việc thành lập tổ chức Tài chính quy mô nhỏ (TCQMN) gặp không ít khó khăn, trở ngại. Khó khăn lớn nhất đối với dự án CESVI khi thành lập tổ chức TCQMN là vấn đề tổ chức nhân sự.

Tiếp theo trang 16

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHUYÊN NGHIỆP, TRUNG THÀNH TẠI BÌNH MINH CDC

Bình Minh CDC

Xây dựng năng lực tổ chức trong đó xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, trung thành là một vấn đề quan trọng mà các tổ chức tài chính quy mô nhỏ đang phải đối mặt trong quá trình chuyển đổi. Đối với Bình Minh, nhân sự là một trong những vấn đề được ưu tiên hàng đầu, công việc này được chú trọng trong cả một quá trình từ khâu tuyển dụng, đào tạo, sử dụng đến định hướng sự nghiệp cán bộ.

Cũng như phát triển thị trường, việc xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp cũng phải thực hiện theo quy trình bài bản, cẩn thận và khoa học. Một số nhà quản lý nhân sự đã miêu tả việc đào tạo cán bộ như là một quá trình gồm 03 bước quan trọng là “Biết, Hiểu và Thích”. Quá trình này hoàn toàn có thể áp dụng một cách hiệu quả đối với Bình Minh. Trước tiên, qua các phương tiện truyền thông và các hoạt động thực tế, nhiều người BIẾT đến Bình Minh không chỉ như một cơ hội vay vốn mà còn là cơ hội việc làm. Sau mỗi đợt tuyển dụng, những ứng viên được chọn sẽ qua các khoá tập huấn và thời gian học việc tại cơ sở để HIỂU về chiến lược, môi trường làm việc và văn hoá doanh nghiệp của Bình Minh. Thực hiện tốt 02 giai đoạn đầu sẽ giúp Bình Minh tuyển chọn được cán bộ vừa có năng lực vừa có tinh thần làm việc cao và THÍCH công việc của họ. Theo như kinh nghiệm của Bình Minh, những cán bộ gắn bó với công ty là những người muốn được tôn trọng, thích hoà đồng và chia sẻ, có ước muốn tạo nên sự khác biệt cho công ty và cho cộng đồng.

Tuy nhiên, “Biết, Hiểu và Thích” mới chỉ là khởi đầu cho công tác xây dựng đội ngũ cán bộ trung thành và chuyên

ngiệp. Để giữ được những cán bộ có năng lực, tổ chức cần phải xây dựng cơ chế quản lý cán bộ một cách phù hợp và hiệu quả. Trong giai đoạn mới thành lập, đã có 3 cán bộ có năng lực xin nghỉ việc để đến với những cơ hội việc làm khác. Nhận thấy những khó khăn về nhân sự, Bình Minh đã từng bước xây dựng cho mình một cơ chế quản lý cán bộ theo định hướng thị trường dựa trên một số hoạt động sau:

1. Chuẩn hoá bản mô tả công việc và xây dựng mục tiêu cho cán bộ
2. Xây dựng chính sách về quyền lợi và nghĩa vụ và cơ chế quản lý thành tích dựa trên kết quả hoàn thành mục tiêu
3. Tập huấn nâng cao năng lực theo nhu cầu
4. Định hướng phát triển sự nghiệp cho cán bộ

Thực hiện tốt các hoạt động quan trọng trên sẽ góp phần tăng thêm sức mạnh cho Bình Minh trong công cuộc xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực và trung thành, đảm bảo duy trì một đội ngũ cán bộ nòng cốt và chuyên nghiệp

Những cơ chế quản lý cán bộ hợp lý và một văn hóa “Công bằng, minh bạch và chia sẻ” đã giúp Bình Minh duy trì lòng trung thành của cán bộ tốt hơn. Từ cuối năm 2004 đến nay, không có cán bộ có năng lực nào rời bỏ Bình Minh. Với đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp trẻ, năng động, nhiệt tình có năng lực và sáng tạo, Bình Minh đã tự tin hơn trong quá trình chuẩn bị chuyển đổi của mình./.

MỘT CÔNG CỤ ĐỀ QUẢNG BÁ HÌNH ẢNH: GIẢI THƯỞNG MINH BẠCH TÀI CHÍNH CGAP (CGAP'S TRANSPARENCY AWARD)

Quảng bá hình ảnh, kêu gọi tài trợ là một trong những ưu tiên hàng đầu của các tổ chức tài chính vĩ mô (TCVM). Trên thực tế có không ít các công cụ đề quảng bá hình ảnh miễn phí nhưng chưa nhiều tổ chức TCVM ở Việt Nam biết khai thác một cách có hiệu quả. Giải thưởng minh bạch tài chính của CGAP là một công cụ như vậy. Bắt đầu từ năm 2004 tới nay giải thưởng đã thu hút được 170 tổ chức ở 57 quốc gia khác nhau và năm 2006 là năm thứ 3 CGAP tổ chức giải thưởng này.

Giải thưởng minh bạch tài chính được tổ chức hàng năm nhằm khuyến khích tính minh bạch của các báo cáo tài chính của các tổ chức TCVM và các báo cáo kiểm toán tài chính theo hệ thống tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế.

Để tham gia giải thưởng ngoài việc thỏa mãn một số tiêu chuẩn tối thiểu về số thành viên, giá trị dư nợ, số năm hoạt động, các tổ chức TCVM phải niêm yết báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập trên mạng dữ liệu thông tin của Mix¹. Các báo cáo tài chính hàng năm sau khi niêm yết sẽ được các chuyên gia kiểm toán và tài chính chuyên nghiệp của CGAP xem xét trên cơ sở 40 tiêu chí xây dựng dựa trên hệ thống tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và những nguyên tắc của ngành. Vì vậy tham gia giải thưởng là cơ hội tốt để quảng bá uy tín, hình ảnh của tổ chức. Mặt khác sự minh bạch về tài chính (một bản báo cáo tài chính rõ ràng và dễ hiểu đáp ứng phần lớn 40 tiêu chí đã nêu) sẽ giúp cho lãnh đạo của các tổ chức TCVM có điều kiện tốt hơn để ra các quyết định quản lý.

Tính tới thời điểm hiện nay, Việt Nam mới chỉ có hai tổ chức tham gia mạng dữ liệu thông tin MIX là CEP và TYM, một con số rất nhỏ bé so với tổng số các tổ chức TCVM ở Việt Nam

nói riêng và số chức TCVM tham gia vào MIX và CGAP của các nước bạn nói chung: Philipin là 40, Indonesia: 11, Campuchia là 9.

CEP đã biết đến và tham gia Mix và giải thưởng của CGAP thông qua giới thiệu của các đối tác và bạn bè trong và ngoài nước. Việc tham gia vào giải thưởng cũng như việc niêm yết công khai các chỉ số tài chính trên Mix, được nhận phần thưởng danh dự (merit award) liên tục trong hai năm 2004 và 2005 đã giúp CEP quảng bá hình ảnh của mình đến với nhiều đối tác quan tâm và kêu gọi tài trợ với một chi phí rất thấp.

Một tổ chức TCVM tham gia vào Mix và CGAP chỉ cần những thủ tục khá đơn giản nhưng hiệu quả của việc tham gia lại khá cao đó là hình ảnh của tổ chức nói riêng và nền TCVM của đất nước nói chung được quảng bá với chi phí rất thấp. Có thể nói đây là một trong những kênh thông tin mà các tổ chức TCVM ở Việt Nam cần nghiên cứu, khai thác và sử dụng một cách hiệu quả để quảng bá hình ảnh của mình và kêu gọi các nhà tài trợ.

Để biết thêm chi tiết có thể truy cập tại website: <http://www.mixmarket.org> và <http://www.cgap.org>

QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN: MỘT LỰA CHỌN BÊN CẠNH NGHỊ ĐỊNH 28

Brent Wilson, Trung tâm Nghiên cứu & Hợp tác quốc tế Canada

Phong trào quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) bắt đầu tại Việt Nam từ năm 1993 dựa trên mô hình của hệ thống *Caisse Populaire* của tỉnh Quebec, Canada. Mô hình này được Hiệp hội các hợp tác xã tín dụng (DID) đưa vào Việt Nam và sau đó được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam (NHNN) áp dụng vào hoạt động tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam.

Từ khi bắt đầu đến nay, phong trào QTDND đã trải qua một số giai đoạn phát triển. Phong trào bắt đầu với giai đoạn thí điểm, rồi chuyển qua giai đoạn mở rộng và sau đó là sát nhập và củng cố. Hiện nay, sau 13 năm hoạt động, phong trào QTDND đang tiến vào một giai đoạn phát triển mới, trưởng thành hơn được đánh dấu bởi các hoạt động nâng cao chất lượng và tiếp tục phát triển. Cũng trong giai đoạn này, một hiệp hội QTDND quốc gia đã được thành lập. Mặc dù đã có nhiều kinh nghiệm với khung pháp lý cho hoạt động tài chính vi mô như vậy -bao gồm cả thành công, thất bại, và các bài học- nhưng hầu hết những người liên quan tới tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam hiện nay đều hướng sự quan tâm tới Nghị định 28.

CECI bắt đầu nghiên cứu các vấn đề liên quan từ sáu năm trước khi chúng tôi bắt đầu hỗ trợ kỹ thuật cho dự án Nâng cao Đời sống cho Các Cộng đồng Miền núi (ILMC) tài trợ bởi CIDA-Việt Nam thực hiện tại hai huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa. Kinh nghiệm của CECI và nghiên cứu tại các nước khác cho thấy các dự án tiết kiệm cộng đồng được sở hữu và quản lý bởi chính thành viên là những công cụ tốt để cung cấp dịch vụ tín dụng tới người nghèo. Một mô hình thành công của cách tiếp cận này cũng đã hoạt động tại Việt Nam ở thời điểm đó -hệ thống QTDND- nhưng việc dừng cấp phép cho các QTDND mới từ tháng 10 năm 2000 tới tháng 6 năm 2004 đã làm cho mô hình này không thể trở thành một lựa chọn vào lúc đó. Với quy mô và phạm vi dự kiến của hợp phần tài chính quy mô nhỏ trong dự án ILMC, tư cách pháp lý của dự án sẽ đóng

vai trò then chốt trong việc tạo lập tính bền vững của các chương trình tài chính quy mô nhỏ (TCQMN) mà dự án sẽ hỗ trợ. Do môi trường pháp lý cho hoạt động tài chính quy mô nhỏ đang ở trong giai đoạn giao thời với Nghị định về QTDND còn chưa được ban hành, và việc các đạo luật như Nghị định 28 và văn bản bổ xung cho luật các Hợp tác xã Tín dụng có thể được ban hành trong tương lai, CECI và đối tác Thanh Hóa quyết định đi theo mô hình tín dụng và tiết kiệm hợp tác xã. Chúng tôi đã đi theo mô hình này với mong đợi rằng các vấn đề pháp lý sẽ được giải quyết trước khi dự án ILMC kết thúc vào cuối năm 2006 và một lựa chọn thích hợp cho các chương trình tài chính quy mô nhỏ sẽ xuất hiện.

Vào cuối năm 2004, các điều kiện pháp lý đã thực sự rõ ràng hơn và một vài lựa chọn pháp lý cho các hoạt động TCQMN đã xuất hiện; nhà nước tiếp tục cấp phép cho các QTDND, NHNN ban hành văn bản bổ xung cho luật về các Hợp tác xã Tín dụng, và nhiều tín hiệu cho thấy Nghị định 28 sắp được hoàn thành và ban hành. Ban đầu, chúng tôi dự định đăng ký hoạt động theo Nghị định 28, nhưng chúng tôi đã quyết định tìm kiếm một lựa chọn khác khi biết chắc rằng thông tư hướng dẫn Nghị định sẽ không thể được ban hành trước khi dự án ILMC kết thúc. Những lo ngại khác về Nghị định 28 bao gồm cả hạn mức vốn pháp định cần thiết để có thể huy động tiết kiệm tự nguyện và vấn đề chủ sở hữu tổ chức TCQMN. Vấn đề về chủ sở hữu rất quan trọng với dự án của chúng tôi vì các chương trình TCQMN mà dự án đang hỗ trợ hoạt động theo một mô hình tương tự với mô hình của các QTDND.

Việc chuyển đổi thành HTXTD cũng không thích hợp vì luật chỉ cho phép các hợp tác xã nông nghiệp đang tồn tại chuyển đổi và giá trị của dịch vụ tín dụng không được vượt quá giá trị của dịch vụ nông nghiệp. Việc chưa có một HTXTD nào được đăng ký cũng là một lo ngại. Lựa chọn còn lại cho hoạt động tài chính quy mô nhỏ của chúng tôi là mô hình QTDND.

TIN TỨC VỀ TÀI CHÍNH VI MÔ VÀ CÁC SỰ KIỆN SẮP TỚI

HOẠT ĐỘNG:

Tháng 11/ 2006, Nhóm công tác TCVM sẽ thực hiện việc đánh giá năng lực của mạng lưới TCVM tại Việt Nam. Hoạt động này được hỗ trợ bởi Mạng lưới SEEP và quỹ Ford. Một chuyên gia của Mạng lưới SEEP sẽ đến Việt Nam để trợ giúp nhóm trong công việc này.

HỘI THẢO VÀ TẬP HUẤN

“Khóa tập huấn “Thực hiện Tài chính vi mô thành công: Quản lý nhằm nâng cao thành tích hoạt động”. Trong khuôn khổ dự án “Mở rộng chương trình tài chính và bảo hiểm vi mô cho lao động nữ trong khu vực phi kết cấu”, Văn phòng ILO Việt Nam sẽ hợp tác với quỹ CEP tổ chức khóa tập huấn trên lần thứ ba tại Việt Nam. Hai khóa học trước được tổ chức tại Ninh Thuận và Hải Dương đã diễn ra hết sức thành công, được học viên đánh giá cao về tính ứng dụng và thực tiễn. Khóa học lần này dự kiến sẽ tổ chức vào tháng 10/2006 tại phía Nam. Dự án sẽ thông báo chi tiết về khóa học (kéo dài 2 tuần) này sau. Các tổ chức quan tâm có thể liên hệ trước để có thông tin về nội dung khóa học và đăng ký số người tham gia với thư ký dự án theo địa chỉ sau:

Lê Thị Phương Nhung,
Thư ký dự án Tài chính vi mô
Văn phòng ILO Việt Nam, 48-50
Nguyễn Thái Học, Hà Nội
Email: nhung@ilohn.org.vn
ĐT: 04 – 734 0902, máy lẻ 227
Fax: 04 – 734 1532

Hội thảo: “Đầu tư vào số đông” sẽ được tổ chức tại Washington, Hoa Kỳ từ ngày 25 tới 27 tháng 10 năm 2006 bởi Mạng lưới SEEP. Mục đích của hội thảo này là để tranh luận về các hoạt động thúc đẩy kinh doanh thông qua các dịch vụ tài chính cho người nghèo ở các nước phát triển. Một đại diện của Nhóm công tác tài chính vi mô tại Việt Nam sẽ tham gia hội thảo này.

Hội nghị thượng đỉnh tài chính vi mô toàn cầu sẽ diễn ra tại Halifax, Canada từ ngày 12 tới 15 tháng 11 năm 2006. Một đại biểu của Việt Nam sẽ tham gia hội nghị này và có bài phát biểu về **“Đưa tín dụng vi mô đến đại đa số người nghèo thông qua các Chương trình tín dụng ưu đãi của Chính phủ: Cơ hội và thách thức”**

TIN TÀI TRỢ

Nhóm công tác tài chính vi mô vừa nhận được một khoản tài trợ trị giá 15.795 USD từ SEEP Network để tổ chức các khóa đào tạo cho các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam trong thời gian từ 8/2006 tới 8/2007. Các khóa đào tạo này sẽ được tổ chức bởi Nhóm công tác tài chính vi mô. Dự kiến khóa đào tạo đầu tiên sẽ được tổ chức vào tháng 10 năm 2006.

Thông tin và đăng ký tham gia, xin vui lòng liên hệ:

Ms. Nguyễn Bích Vượng
Giám đốc, Trung tâm M&D
Email: mdcenter@vnn.vn
Tel: 04-5115469

TÀI CHÍNH VI MÔ TRÊN INTERNET:

www.microfinancegateway.org – website của CGAP với rất nhiều thông tin, nghiên cứu và các tài nguyên khác.

www.mixmarket.org – một website mới nhằm giới thiệu các phân tích và đánh giá các tổ chức đã được đăng ký.

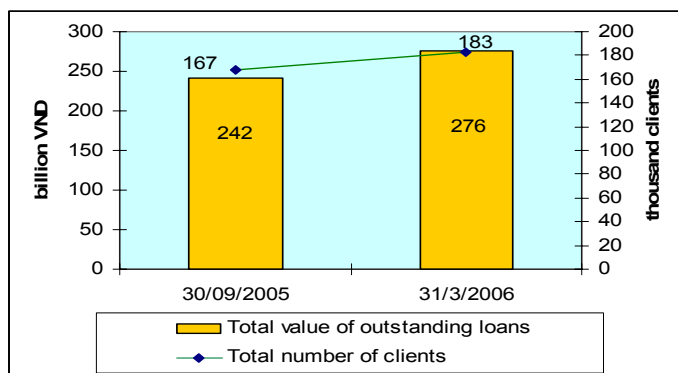
www.vietnamplus.org – trang web duy nhất trên internet về các dự án tài chính vi mô tại Việt Nam.

Số liệu thống kê

Đây là lần thứ 3 số liệu được thống kê với mức độ rộng hơn ở bản tin này. Đầu tiên, ban biên tập xin được gửi lời cảm ơn tới tất cả các chương trình đã cung cấp cho chúng tôi những dữ liệu quý báu này. Chúng tôi cũng xin được chân thành cảm ơn Trung tâm Tài chính vĩ mô và Phát triển (M&D Center) đã giúp đỡ chúng tôi trong việc thu thập những thông tin này. Chúng tôi vui mừng thông báo rằng hiện nay chúng tôi đã thu thập được số liệu của 43 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính vĩ mô nhưng đó không phải là con số phản ánh toàn bộ lĩnh vực tài chính vĩ mô ở Việt Nam. Để cho những số liệu của chúng tôi có ý nghĩa hơn, chúng tôi mong rằng các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính vĩ mô cung cấp số liệu ở đây sẽ tiếp tục phát triển trong tương lai.

Phát triển

Biểu đồ 1: Sự thay đổi trong số liệu báo cáo về số lượng khách hàng và dư nợ vốn vay. (từ 30/09/2005 tới 31/03/2006)

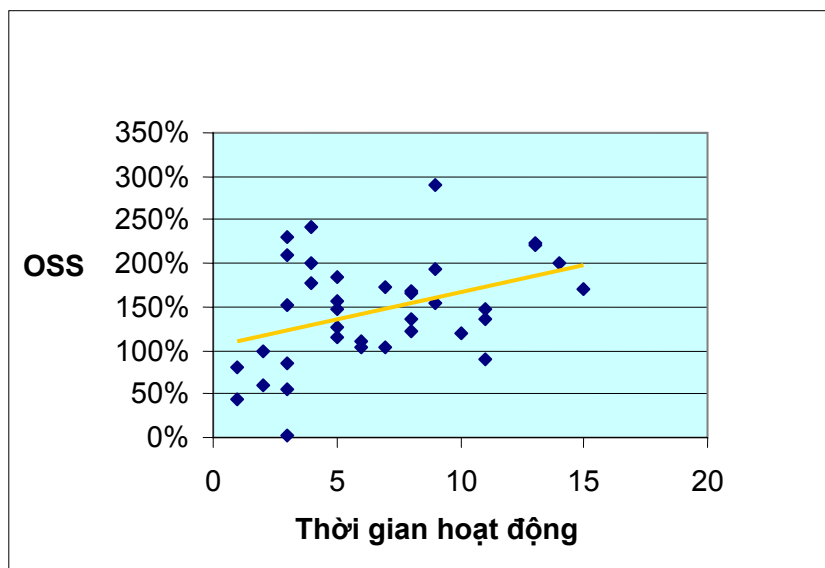


Trong vòng 6 tháng qua, dư nợ vốn vay và số lượng khách hàng đã tăng lên rõ rệt. Số lượng khách hàng đã tăng khoảng 9%, từ 167.000 lên tới 183.000. Cùng lúc đó, giá trị dư nợ vốn vay cũng tăng khoảng 14%, đạt 274 tỷ đồng. Sự tăng trưởng trong số lượng khách hàng một phần đạt được là do sự mở rộng phạm vi hoạt động. Số lượng xã có tham gia tăng từ 641 lên 656. Tuy nhiên, sự mở rộng này không được diễn ra với sự mở rộng của sự thâm nhập thị trường. Thông qua khảo sát ở 28 tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính vĩ mô, số lượng khách hàng ở mỗi xã tăng từ 261 tới 278. Về dư nợ vốn vay, CEP- Ho Chi Minh chiếm tới 47% của tổng tăng trưởng với dư nợ tăng là 15.7 tỷ đồng. Tuy nhiên, không phải tất cả các tổ chức hoạt động tài chính vĩ mô đều có sự tăng trưởng trong thời gian này. Có thể thấy rằng có một sự suy giảm đáng kể ở số lượng khách hàng và dư nợ ở một vài tổ chức hoạt động tài chính vĩ mô trong đó bao gồm cả các tổ chức hoạt động tài chính vĩ mô có kinh nghiệm như chương trình của World Vision và chương trình tài chính vĩ mô khu vực nông thôn của Cứu trợ trẻ em Mỹ. Sự suy giảm này có thể được cho là do quá trình cơ cấu lại bộ máy. Xét một cách toàn diện, sự tăng trưởng chung đáng kể là do sự đóng góp rất lớn của CEP – Ho Chi Minh.

Khả năng tự vững hoạt động.

*Trong khi chúng ta đang trong đợi vào sự tăng trưởng, nhưng cũng không nên quên tăng trưởng sẽ không thể được duy trì lâu bền mà không có tính bền vững. Trong khảo sát này, chúng tôi sử dụng chỉ số Khả năng tự vững hoạt động như là thước đo đánh giá tính bền vững. Một tỷ số có ý nghĩa hơn đó là **Khả năng tự vững tài chính** không được sử dụng vì nó chưa được thống nhất trong cách thức chuẩn để tính toán chỉ số này. Có xấp xỉ 70% các đơn vị hoạt động tài chính vĩ mô báo cáo Khả năng tự vững hoạt động cao hơn hoặc bằng 100%, 16% các tổ chức không đạt được khả năng tự vững hoạt động, và 14% các tổ chức không báo cáo. Các chương trình không đạt được khả năng tự vững hoạt động hầu hết là các chương trình mới hoạt động với thời gian hoạt động khoảng 2 năm. Không có báo cáo nào chỉ ra rằng một chương trình có thể đạt được khả năng tự vững hoạt động khi mới hoạt động trong khoảng 3 năm. Hầu hết các tổ chức hoạt động tài chính vĩ mô đã hoạt động trên 3 năm đạt được khả năng tự vững hoạt động.*

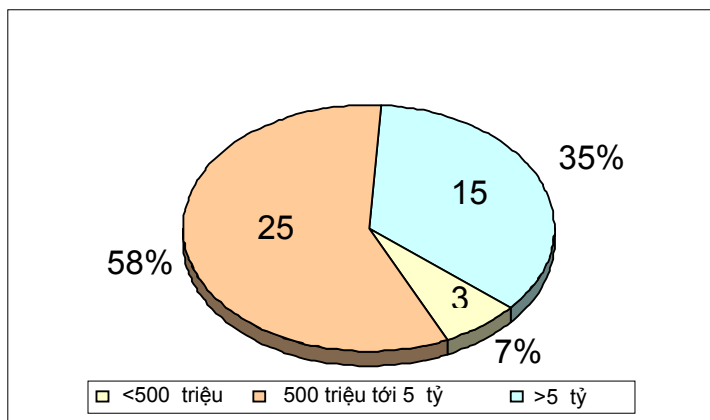
Biểu đồ 2: Thời gian hoạt động chương trình và khả năng tự vững hoạt động



Chuyển đổi.

Theo chủ đề của bản tin này, chúng tôi đã thu thập thông tin liên quan tới việc chuyển đổi. Như các bạn đã biết, quy mô tài chính sẽ là yếu tố quyết định loại hình tổ chức khi các tổ chức hoạt động tài chính vi mô có thể đăng ký. Trong biểu đồ dưới đây, tổng tài sản được sử dụng như là sự thay thế cho vốn tự có của chương trình.

Biểu đồ 3: Phân tích các tổ chức hoạt động tài chính vi mô thông qua tổng tài sản.



Chỉ có những chương trình có vốn tự có là 500 triệu mới có thể đăng ký theo nghị định 28, đa số các chương trình báo cáo (93%) sẽ có thể đăng ký. Chỉ có 3 tổ chức hoạt động tài chính vi mô không thể đăng ký vì lý do về vốn tự có. Khoảng 35% các tổ chức có thể đăng ký thành các tổ chức “loại 2” và 58% sẽ có thể đăng ký thành các tổ chức “loại 1”. Như vậy thông qua phân tích, chúng ta trông đợi rằng các tổ chức có báo cáo sẽ tiếp tục báo cáo các hoạt động liên quan tới chuyên đổi nhưng chỉ có 44% các tổ chức đã báo cáo. Trong số 44% này, rất nhiều các tổ chức mới chỉ dừng lại ở hội thảo chuyên đổi cơ cấu tổ chức hay chuẩn bị tổ chức các hội thảo về chuyên đổi. Không có đủ dẫn chứng cho biết các tổ chức hoạt động tài chính vi mô đang chuẩn bị chuyên đổi.

Tổng quan về Tài chính vi mô

Tỉnh/ Thành phố	Tổ chức/ Dự án	Năm bắt đầu	Địa điểm triển khai			Số cán bộ tin dụng	Số khách hàng	Số khách hàng đang vay	Tổng tài sản (VND)
			Số tỉnh	Số huyện	Số xã				
Bà Rịa-VT	CEP-BRVT	2002	1	2	22	8	6562	5975	12,016,821,456
Bắc Kạn	AFAP - HLHPN huyện Na Rì	2003	1	1	4	15	542	512	352,000,000
Bắc Kạn	Chương trình An ninh lương thực (CCF Úc)	2001	1	1	4	46	680	655	657,490,000
Điện Biên	Hội LHPN huyện Điện Biên	1998	1	1	5	10	2459	2169	3,309,083,500
Điện Biên	Quỹ phụ nữ phát triển, hội phụ nữ TP Điện Biên, tỉnh Điện Biên	1997	1	1	7	15	3950	1974	2,991,212,000
Hà Nội	CESVI	2004	1	1	25	300	4500	4300	3,160,000,000
Hà Nội	SCUS-BINHMINH CDC	2003	1	1	6	8	1950	1950	3,251,708,870
Hà Tây	CARSWI	2002	1	1	1	5	340	340	534,912,700
Hà Tĩnh	Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo Thạch Hà, Hà Tĩnh	1995	1	1	14	56	5707	4521	3,734,959,100
Hà Tĩnh	Quỹ tín dụng tiết kiệm, HPN huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	1993	1	1	22	66	16385	15600	23,645,114,371
Hà Tĩnh	Quỹ tín dụng Tiết kiệm, Hội phụ nữ huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh	1998	1	1	10	55	3318	3206	3,577,801,000
Hà Tĩnh	Trung tâm Phát triển vì người nghèo, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh	1999	1	1	7	182	3800	3420	6,503,437,056
Hà Tĩnh	Quỹ phát triển vì phụ nữ nghèo (HLHPN Hà Tĩnh)	2001	1	10	97	515	26.913	20894	38,663,887,007
Hoà Bình	Chương trình An ninh lương thực (CCF Úc)	2001	1	2	5	204	3045	2728	2,589,223,000
Hồ Chí Minh	CEP-HCM	1991	1	24		80	69437	61291	#####
Hồ Chí Minh	CIDSE- Hội phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh	1993	1	24		26	8450	8450	#####
Long An	CEP-LONG AN	2003	1	2	6	3	2960	2648	4,408,733,049
Ninh Thuận	Quỹ hỗ trợ phụ nữ huyện Ninh Phước, Ninh Thuận	2001	1	1	3	12	2211	2211	3,638,727,648
Phú Thọ	CEPHAD (ĐSQ)	2004	1	1	1	2	105	81	81,058,900
Quảng Bình	Counterpart international	2005	1	1	3	12	1077	1031	714,475,800
Quảng Bình	SNV	1997	1	4	30	90	10682	6237	11,567,702,206
Quảng Ngãi	RUDEP	2003	1	12	19	171	3767	1737	10,781,172,000
Quảng Ninh	Quỹ khuyến khích phụ nữ phát triển, thị xã Uông Bí, Quảng Ninh	1995	1	1	10	30	7376	4011	9,002,125,085
Quảng Ninh	Quỹ uỷ thác, Hội phụ nữ Đông Triều, Quảng Ninh	1997	1	1	10	179	5566	4175	9,092,971,626
Sơn La	Quỹ tín dụng tiết kiệm, hội phụ nữ huyện Phù Yên, Sơn La	1995	1	1	9	112	2818	2532	1.418.202.400
Sơn La	Quỹ tín dụng tiết kiệm, Hội phụ nữ huyện Thuận Châu-FVFA, tỉnh Sơn La	2000	1	1	4	45	563	496	501,000,000
Thái Nguyên	AFAP-Đại Từ, Thái Nguyên	2003	1	1	3	54	1586	1493	850,121,000

Dư nợ (VND)	Tiết kiệm			Quỹ xã hội	Số khách hàng trên 1 cán bộ tín dụng	OSS
	Tiết kiệm bắt buộc	Tiết kiệm tự nguyện	Tổng			
11,924,023,200			2,065,513,050		747	178.10%
327,000,000			57,000,000	8,000,000	34	3.12%
639,990,000			118,790,000		14	157.20%
2,034,067,000	432,355,100	133,152,100	565,507,200		217	136.00%
2,952,987,787	1,116,919,000	383,230,000	1,500,149,000		132	193.90%
3,074,485,000					14	100.00%
3,210,140,000	40,181,500	60,649,300	100,830,800		244	56.00%
503,658,000			77,398,000		68	240.90%
3,348,864,100			1,771,318,700		81	146.33%
22,677,477,140			2,728,890,783		236	224.24%
3,529,781,000			850,680,000	29,747,000	58	165.12%
6,180,227,800	2,507,641,300	1,522,079,600	4,029,720,900	17,207,500	19	173.20%
38,488,902,157	5,130,079,100	147,237,000	5,277,316,100		41	115.00%
2,561,323,000			647,562,000		13	147.00%
149,821,775,950	36,625,949,156	7,150,722,936	43,776,672,092		766	169.43%
25,030,767,836			2,403,721,100		325	220.13%
4,148,688,250			807,108,750		883	153%
3,508,181,590		23,707,010	945,366,850		184	183.80%
81,058,900	4,340,900	14,070,000	18,410,900		41	
711,044,000			33,475,000		86	81.10%
13,430,740,420			2,850,982,609		69	289.00%
6,349,695,000			773,446,200		10	229.50%
7,189,360,500			4,038,088,100	36,083,000	134	136.00%
8,790,853,400	1,202,985,100	2,125,170,800	3,328,155,900	82,683,300	23	154.00%
1,362,738,200			250,482,000		23	90.14%
83,000,000			77,000,000		11	110.00%
811,700,000			237,627,000	21,000,000	28	85.50%

Thái Nguyên	CIDSE-Định Hoá,Thái Nguyên	1998	1	1	6	6	728	376	860,762,448
Thái Nguyên	CIDSE- Phố Yên, Thái Nguyên	1999	1	1	6	6	380	380	1,172,046,881
Thái Nguyên	CECI-Bá Thước	2001	1	1	23	42	6500	6300	6,400,000,000
Thanh Hoá	Quaker Service	1996	1	2	32	64	6052	5988	3,684,202,100
Thanh Hoá	Chương trình TCVM, HLHPN tỉnh Thanh Hoá	1998	1	4	31	48	7461	7113	6,546,730,925
Thừa Thiên Huế	Trung tâm Phát triển nông thôn - Thừa Thiên Huế	2002	1	1	14	17	2856	2740	3,777,000,000
Vĩnh Phúc	CSOD	2004	1	2	4	7	900	810	580,000,000
Vĩnh Phúc	GRET	1996	1	2	5	10	803	803	1,199,670,400
Tuyên Quang	Chương trình tín dụng nhỏ và kinh doanh nhỏ Tuyên	2002	1	5	66	5	17151	8386	6,492,180,000
Tuyên Quang	Tín dụng hiệp hội cải thiện kinh tế cho các hộ nghèo thông qua phát triển chăn nuôi (ĐSQ Luxembourg)	2005	1	1	2	8	255	255	
	SCJ-Việt Nam	2000	2	6	39	117	8158	6947	4,786,892,433
	TYM	1992	7	11	83	73	21450	19897	93,341,075,730
	VBCP-Dự án Việt Bỉ	1997	17	85	199	585	53958	53958	50,432,400,100
	WVI	2005	1	2	7	4	621	208	270,276,082
	Plan Vietnam	2003	2	4	8	75	2683	2001	1,412,276,876
	NMA	2002	1	4	8	10	3600	3600	2,285,000,000
	DID Việt Nam		5	7	7	34	31989		#####

787,896,000			182,674,000	6,556,721	63	168.00%
995,163,000			280,583,500		63	104.60%
6,300,000,000		250,000,000	1,750,000,000	6500000		127.00%
3,684,202,100			701,010,000		94	
4,368,087,000			449,376,300		148	121.50%
3,040,680,000					161	
480,000,000	92,500,000	37,000,000	129,500,000	8,000,000	116	60.00%
1,192,400,000			59,525,000		80	119.00%
5,895,720,000			1,364,260,000		1,677	
408,200,000	7,755,000	445,000	8,200,000		32	
4,381,593,000			1,012,846,153		59	103.00%
49,335,125,000	24,084,224,198	1,244,171,328	25,328,395,526	652,335,480	273	199.36%
50,432,400,100	18,816,530,900	6,903,400	18,823,434,300	1,025,114,790	92	
207,282,000			37,248,912		52	43.38%
1,337,450,000			255,492,195		27	210.00%
2,652,254,700			863,649,800		360	200.00%
300,568,642,000	0	300,387,339,911	300,387,339,911			134.10%

Quỹ TYM – Từ một dự án tín dụng tiết kiệm thành một tổ chức tài chính vi mô bền vững của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - *Tiếp trang 3*

Để chuẩn bị cho quá trình thể chế hoá theo nghị định 28 và nâng cao năng lực tổ chức, để thực sự trở thành một tổ chức tài chính vi mô, chính thức hoạt động bền vững và hiệu quả, với sự hợp tác và hỗ trợ tích cực của Tổ chức Hợp tác Quốc tế các ngân hàng Tiết kiệm Sparkasse Đức (SBFIC), Trung tâm Phát triển Nông nghiệp và Nông thôn Philippines (CARD), sau khi chuyển đổi sang đơn vị sự nghiệp TYM đã thực hiện một được một số hoạt động như sau:

- Thành lập được một Hội đồng quản trị trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Quỹ.
- Tăng cường năng lực cho bộ máy kiểm toán nội bộ để tiến tới nâng cấp thành Ban kiểm soát nội bộ khi thực hiện theo nghị định 28.
- Thay đổi hệ thống tài khoản hiện hành của Quỹ sang hệ thống tài khoản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Bước đầu củng cố và kiện toàn lại bộ máy tổ chức theo hướng chuyên nghiệp hoá và định hướng nhóm khách hàng mục tiêu
- Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung và cao.

Hiện tại, với sự hỗ trợ của SBFIC và CARD, TYM đang tiến hành xây dựng phần mềm thông tin quản lý (MIS) để hỗ trợ cho công tác báo cáo và kiểm soát của Quỹ, đào tạo cán bộ về sử dụng phần mềm Microfin nhằm cải tiến công tác lập kế hoạch tài chính và đang lên kế hoạch xem xét lại các sản phẩm và dịch vụ trong năm 2006 và đầu năm 2007 để có những điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của từng nhóm đối tượng mục tiêu. Ngoài ra TYM cũng đã xây dựng được một kế hoạch phát triển cho Quỹ đến năm 2010 với định

hướng phát huy những kết quả đạt được của quá trình chuyển đổi và tăng thêm sức mạnh cho Quỹ vượt qua những thách thức của quá trình chuyển đổi trong 5 năm tới.

Sáu mục tiêu chính đặt ra để đạt được vào năm 2010 bao gồm:

1. TYM được đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành một tổ chức tài chính quy mô nhỏ theo thông tư hướng dẫn của Nghị định 28 của chính phủ.
2. TYM xây dựng được một nhóm khách hàng đối tượng dựa trên định hướng cơ cấu tổ chức.
3. TYM nâng cao trình độ và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ
4. TYM duy trì được sự bền vững (tính bền vững về tổ chức và tài chính ổn định và trên mức 100%)
5. TYM nâng cao vị thế thị trường trong khu vực hiện tại và mở rộng ra các khu vực mới.
6. TYM cung cấp cho nhóm đối tượng khách hàng những sản phẩm tiết kiệm, tín dụng và bảo hiểm phù hợp.

Để đạt được những mục tiêu trong kế hoạch 5 năm với cam kết hỗ trợ của SBFIC, CARD và các nguồn vốn bên trong, Quỹ TYM sẽ củng cố và phát triển sự hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế. /.

HƯỚNG ĐI NÀO CHO VIỆC CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH - Tiếp trang 4

Hiện nay, hoạt động tín dụng do Ban Quản lý dự án 25 xã trực tiếp quản lý với sự hỗ trợ của đội ngũ cộng tác viên dinh dưỡng. Tất cả họ đều tham gia hoạt động tín dụng dưới hình thức kiêm nhiệm. Ban Quản lý dự án thành phố và huyện với vai trò chủ yếu là điều phối, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật cũng làm việc kiêm nhiệm. Nếu tổ chức TCQMN được thành lập theo Nghị định 28 thì việc thành lập ở cấp huyện là phù hợp với điều kiện thực tế của dự án. Nhưng vấn đề là ai sẽ đứng ra thành lập và vấn đề nhân sự như thế nào? Ở cấp huyện, đối tác chính của dự án là Trung tâm Y tế huyện. Nhưng theo họ thì việc thành lập tổ chức TCQMN không phù hợp với chuyên môn của ngành y tế. Hơn nữa Trung tâm Y tế huyện sẽ không có nhân sự cho việc thành lập tổ chức TCQMN. Ngay cả với phương án thuê người chuyên trách từ bên ngoài thì sự tham gia của Trung tâm Y tế huyện vẫn là cần thiết.

Nguồn kinh phí cho quá trình chuyển đổi mô hình cũng là một khó khăn với dự án. Theo Văn bản thỏa thuận dự án, đến tháng 6/2006, dự án sẽ được tổ chức CESVI chuyển giao cho đối tác quản lý. Khi thành lập, tổ chức TCQMN mới sẽ cần kinh phí cho hoạt động đào tạo, đào tạo lại, chi phí in ấn tài liệu, hệ thống sổ sách, báo cáo theo mô hình mới, một số phương tiện làm việc tối thiểu như máy tính, tủ, bàn ghế, kết đọng tiền.... Chương trình vẫn chưa xác định được nguồn kinh phí cho các khoản chi này.

Một trở ngại cần tính đến trong tương lai nếu tổ chức TCQMN được thành lập là việc tự hạch toán, trang trải chi phí. Tổng nguồn vốn của cả dự án là 3,16 tỷ, nhưng được thực hiện dàn trải ở 25 xã, thị trấn, trung bình mỗi xã khoảng hơn 100 triệu. Hiện tại, hoạt động tín dụng được thực hiện lồng ghép, cán bộ đều làm việc dưới hình thức kiêm nhiệm nên chi phí quản lý giảm. Nhưng chi phí này sẽ tăng khi hoạt động chuyển sang mô hình tổ chức TCQMN độc lập.

Gắn kết hoạt động tín dụng với việc thực hiện mục tiêu dinh dưỡng là một trong những mục tiêu từ đầu của dự án. Có những băn khoăn là khi tổ chức TCQMN được thành lập và hoạt động độc lập thì việc tiếp cận đối tượng đích của dự án có thể không được đảm bảo cùng với việc lồng ghép hoạt động truyền thông, giáo dục dinh dưỡng với hoạt động tín dụng.

Nhìn chung, việc thành lập tổ chức TCQMN theo tinh thần Nghị định 28 là tương đối khó khăn với dự án CESVI. Một khả năng liên kết với các tổ chức TCVM hiện có trên địa bàn huyện Sóc Sơn và địa bàn lân cận cũng được tính đến. Nhưng phương án này cũng ít khả thi, vì một số tổ chức TCVM có tiềm năng cho việc liên kết chưa có kế hoạch mở rộng địa bàn ra tất cả các xã có dự án của CESVI. Hơn nữa, việc liên kết có thể gặp những khó khăn do sự khác nhau về đối tượng khách hàng, đặc biệt là phương pháp cho vay, vấn đề xác định sở hữu vốn, v.v..

Những khó khăn, trở ngại đối với dự án của CESVI kể trên cũng là những khó khăn của nhiều tổ chức TCVM tương tự. Ngoài ra, còn có một số tổ chức còn gặp trở ngại về việc không đủ số vốn pháp định theo yêu cầu của Nghị định. Các tổ chức TCVM mong muốn rằng Ngân hàng Nhà nước sẽ có những giải pháp thích hợp để vừa khuyến khích các tổ chức TCVM có tiềm năng chuyển đổi thành tổ chức TCQMN theo tinh thần Nghị định 28 vừa tạo điều kiện cho các tổ chức chưa có điều kiện chuyển đổi tiếp tục hoạt động để đưa lại lợi ích cho những hộ có thu nhập thấp, góp phần xóa đói giảm nghèo./

QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN: MỘT LỰA CHỌN BÊN CẠNH NGHỊ ĐỊNH 28 - Tiếp trang 7

Với chưa đến một năm còn lại tới khi kết thúc dự án, ILMC nối lại liên lạc với Vụ các Hợp tác xã Tín dụng của NHNN(CCID). CCID đã rất ủng hộ chúng tôi trong việc chuyển đổi các chương trình TCQMN thành các HTXTD. Bước đầu tiên chúng tôi thực hiện là tổ chức một cuộc điều tra không chính thức vào tháng 8 năm 2005. Với kết quả khích lệ từ cuộc điều tra này chúng tôi tiếp tục thực hiện một cuộc điều tra chính thức và tháng 10 năm 2005 để tìm hiểu xem liệu các chương trình TCQMN có đáp ứng được các yêu cầu để chuyển đổi thành các QTDND hay không. Các yêu cầu được liệt kê dưới đây:

1. Sự ủng hộ của các lãnh đạo địa phương. Sự thiếu ủng hộ của lãnh đạo địa phương sẽ ảnh hưởng không tốt đến tính bền vững của tổ chức, ngoài ra sự ủng hộ này cũng là cần thiết trong việc phân bổ cán bộ có năng lực cho tổ chức và xin cấp đất cho văn phòng;
2. Có nhân sự đáp ứng được yêu cầu chuyên môn và học vấn của NHNN;
3. Cơ sở hạ tầng và giao thông phát triển. Đây là một điều kiện quan trọng để đảm bảo cho NHNN không gặp khó khăn khi tới thăm dự án trong các chuyến theo dõi và kiểm tra hoạt động. Cơ sở hạ tầng phát triển cũng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế bền vững của địa bàn hoạt động;
4. Có nơi làm việc tốt và các thiết bị phù hợp với hoạt động của một tổ chức tài chính;
5. Môi trường kinh tế xã hội

của địa phương. Vì tính bền vững phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế của địa phương và sự hiện hữu của một khu chợ có cơ sở hạ tầng đảm bảo;

6. Tiềm năng của sự cam kết và lòng trung thành của các thành viên.

Sáu trong bảy chương trình TCQMN tham gia điều tra đã đáp ứng được các yêu cầu một cách cơ bản và đã được chấp thuận cho đăng ký chính thức. Chúng tôi đã đề xuất việc thành lập hai QTDND liên xã (xất nhập hai chương trình TCQMN tại một huyện và ba chương trình tại một huyện khác) và chuyển đổi thêm một chương trình TCQMN cấp xã thành một QTDND độc lập. Tới nay, ba QTDND trên đã đăng ký và được NHNN tỉnh Thanh Hóa cho phép bắt đầu hoạt động từ tháng 5 năm 2006.

Chuyển đổi các chương trình TCQMN thành các QTDND không phải là một quá trình dễ dàng. Trước tiên, để NHNN đồng ý cho đăng ký và thành lập một QTDND một tổ chức hoàn toàn mới phải được ra đời. Chuyển đổi các chương trình TCQMN đang hoạt động chưa bao giờ được thực hiện trên quy mô này và chưa có một dự án nào chuyển đổi thành công tại địa bàn miền núi như địa bàn của chúng tôi. Khó khăn đầu tiên là phải huy động 100 triệu VNĐ để đáp ứng yêu cầu về vốn. Việc đáp ứng yêu cầu này còn khó khăn hơn khi số vốn sẵn có của dự án - nhiều hơn số vốn yêu cầu - không thể được dùng cho việc đăng ký. Khó khăn lớn thứ hai là tuyển những người đủ năng lực chuyên môn và học vấn vào các vị trí chủ chốt trong ban quản lý. Xây dựng lại tổ chức để đáp ứng yêu cầu này sẽ khiến cho chương trình bị mất một số cán bộ và thành viên ban quản lý có năng lực nhưng không đáp ứng được yêu cầu của NHNN.

Ngoài ra vẫn còn những thách thức khác, trong đó có vấn đề xung đột nội bộ giữa các chương trình TCQMN được sát nhập vào cùng một QTDND liên xã mới. Dù có những thách thức đó, nhưng chúng ta cần lưu ý rằng quá trình thành lập một QTDND và các yêu cầu của NHNN là rất xác đáng và đã được đưa ra dựa trên 13 năm kinh nghiệm. Quá trình chuyển đổi thành QTDND không hề dễ dàng cho các chương trình tài chính vi mô, nhưng đây là một lựa chọn pháp lý có tính thực tế và logic bên cạnh phương án chuyển đổi theo Nghị định 28.

Theo lời khuyên của các chuyên gia trong nước và quốc tế, có nhiều lý do để chuyển đổi theo Nghị định 28. Sự tồn tại của các lựa chọn pháp lý khác nhau có thể là một đảm bảo tốt cho tính đa dạng của các mô hình tài chính vi mô thành công tại Việt Nam. Nhưng kinh nghiệm của ILMC cho thấy các chương trình không nên quên rằng có một mô hình chuyển đổi thành công đang cung cấp các dịch vụ tài chính vi mô hợp pháp tới người nghèo tại cả đồng bằng lẫn miền núi./.

Ban biên tập kính mong các đơn vị, tổ chức tài chính quy mô nhỏ sẽ tích cực đóng góp thông tin, bài viết cho bản tin sắp tới. Hãy chia sẻ với chúng tôi những chủ đề mà các bạn quan tâm và muốn được đưa vào bản tin sắp tới, Ban biên tập sẽ lựa chọn và xây dựng nội dung cho bản tin sắp tới. Xin trân trọng cảm ơn.

Mọi thông tin chia sẻ và góp ý, xin vui lòng liên lạc theo email:

Maint@savechildren.org.vn

Bản tin này được biên tập bởi Tổ chức Cứu trợ Trẻ em/Mỹ (SC/US), ILO, và Trung tâm Dữ liệu các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

Website:
www.ngocentre.org.vn

Thông tin liên lạc
maint@savechildren.org.vn